

Chương 1**VAI TRÒ, CHỨC NĂNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP
HẠCH TOÁN KẾ TOÁN****I. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hạch toán kế toán****1. Hạch toán kế toán và tính tất yếu khách quan của hạch toán kế toán**

- Trong quá trình sản xuất, bạn phải quan tâm đến chi phí, vật tư, tiền mặt, tài sản khác, doanh thu. Như vậy, chúng ta cần quản lý và giám đốc (*giám sát và đôn đốc*) quá trình sản xuất. Để quản lý được các hoạt động kinh tế chúng ta cần có số liệu phản ánh tình hình biến động của các hoạt động đó, tức là phải thực hiện việc quan sát, đo lường, tính toán và ghi chép các hoạt động kinh tế phát sinh.

Cần phải [Quan sát các quá trình và hiện tượng kinh tế – Ghi chép – Tính toán]. Việc quan sát, đo lường, tính toán và ghi chép kinh tế nói trên, nhằm thực hiện chức năng phản ánh và giám sát các hoạt động kinh tế gọi là **hạch toán**.

Như vậy, *hạch toán là một hệ thống điều tra quan sát, tính toán, đo lường và ghi chép các quá trình kinh tế, nhằm quản lý các quá trình đó ngày một chặt chẽ hơn.*

2. Vai trò, của hạch toán kế toán trong nền kinh tế thị trường

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp đều tìm mọi biện pháp để sản xuất ra sản phẩm với số lượng nhiều nhất và lãi thu được nhiều nhất. Để đạt được mục tiêu này bất kỳ một người quản lý kinh doanh nào cũng phải nhận thức được vai trò của thông tin kế toán.

Như vậy **kế toán** là phương pháp đo lường và thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin về kinh tế của doanh nghiệp cũng như toàn xã hội.

Kế toán phải ghi chép các nghiệp vụ để :

+ Trước hết kế toán phục vụ cho các nhà quản lý kinh tế.

+ Nhờ có thông tin kế toán người ta có thể xác định được hiệu quả của một thời kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp

+ Kế toán cũng giúp cho Nhà nước trong việc hạch định chính sách.

3. Chức năng và nhiệm vụ của hạch toán kế toán

Là phân hệ thông tin trong hệ thống quản lý, hạch toán kế toán thu thập và cung cấp thông tin về tài chính, về kết quả kinh doanh làm cơ sở cho việc ra những quyết định quản lý. Để có được những quyết định chính xác, thông tin kế toán cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cơ bản là: chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan. Chính các phương pháp của hạch toán kế toán tạo ra khả năng thực hiện các yêu cầu nói trên.

Trong hệ thống quản lý này, hạch toán kế toán có chức năng thông tin và kiểm tra về tài sản các đơn vị hạch toán. Với chức năng và đối tượng đó, có thể xác định được những nhiệm vụ cơ bản của công tác kế toán như sau:

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các tài liệu về tình hình cung ứng, dự trữ, sử dụng tài sản từng loại (tài sản cố định, tài sản lưu động...).

2. Giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp.

3. Theo dõi tình hình huy động và sử dụng các nguồn tài sản do liên kết kinh tế, giám sát tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế, có nghĩa vụ với Nhà nước, với cấp trên, với các đơn vị bạn.

4. Phân loại hạch toán

Để quan sát phản ánh và giám đốc các quá trình sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn một cách đầy đủ kịp thời chính xác phục vụ nhạy bén việc chỉ đạo và quản lý kinh tế đòi hỏi phải sử dụng các loại hạch toán khác nhau. Mỗi loại hạch toán có đặc điểm và nhiệm vụ riêng.

a) Hạch toán nghiệp vụ (còn gọi là hạch toán nghiệp vụ kỹ thuật): là quan sát, ghi chép và giám đốc trực tiếp từng nghiệp vụ kinh tế kỹ thuật cụ thể, để chỉ đạo thường xuyên

và kịp thời các nghiệp vụ đó.

b) Hạch toán thống kê : Hạch toán thống kê là một loại hạch toán nghiên cứu và giám đốc nhằm trình bày được nguyên nhân của những hiện tượng nghiên cứu và xác định được tính quy luật về sự phát triển của sự vật. Hạch toán thống kê cũng sử dụng 3 loại thước đo: hiện vật, lao động và giá trị. Sử dụng thước đo nào là do đặc điểm của hiện tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của thống kê, cho nên, trong hạch toán thống kê không có loại thước đo nào được xem là chủ yếu.

c) Hạch toán kế toán : là một khoa học ghi nhận và giám đốc các mặt hoạt động kinh tế tài chính ở tất cả các doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp và các cơ quan. So với hạch toán nghiệp vụ và hạch toán thống kê thì hạch toán kế toán có những đặc điểm sau:

- Hạch toán kế toán phản ánh và giám đốc (giám sát và đôn đốc) một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống tất cả các loại vật tư tiền vốn và mọi hoạt động kinh tế của Doanh nghiệp. Về thực chất hạch toán kế toán nghiên cứu tài sản trong mối quan hệ với nguồn hình thành và quá trình vận động của tài sản trong các tổ chức, các đơn vị. Nhờ đó mà hạch toán kế toán thực hiện được sự giám đốc liên tục cả trước, trong và sau quá trình sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn.

- Để thực hiện chức năng phản ánh và giám đốc của mình, hạch toán kế toán cũng sử dụng 3 loại thước đo, nhưng thước đo tiền tệ được coi là chủ yếu. Nghĩa là trong kế toán mọi nghiệp vụ kinh tế đều được ghi chép theo giá trị và biểu hiện bằng tiền. Nhờ đó mà hạch toán kế toán cung cấp được các chỉ tiêu tổng hợp phục vụ cho việc giám đốc tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế tài chính.

- Để nghiên cứu đối tượng của mình, hạch toán kế toán đã sử dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học như chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp – cân đối kế toán. Trong đó phương pháp lập chứng từ kế toán là thủ tục hạch toán đầu tiên và bắt buộc phải có đối với mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Nhờ đó mà số liệu do kế toán phản ánh bảo đảm phản ánh được tính chính xác và có cơ sở pháp lý vững chắc.

Ba loại hạch toán trên tuy có nội dung, nhiệm vụ và phương pháp riêng, nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau trong việc thực hiện chức năng phản ánh và giám đốc quá trình tái xuất xã hội. Mối quan hệ này thể hiện ở chỗ:

- Cả 3 loại hạch toán đều nhằm thu nhập, ghi chép và truyền đạt những thông tin về kinh tế tài chính.

- Mỗi loại hạch toán đều phát huy tác dụng của mình trong việc giám đốc tình hình thực hiện các kế hoạch kinh tế tài chính, nên cả ba đều là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế, phục vụ đắc lực cho việc quản lý, điều hành và chỉ đạo của đơn vị cũng như của cấp trên.

- Giữa ba loại hạch toán còn có quan hệ cung cấp số liệu cho nhau, thống nhất về mặt số liệu.

Xuất phát từ tất cả những điều đã nêu trên có thể rút ra kết luận có liên quan đến bản chất của hạch toán kế toán như sau :

- **Thứ nhất** : Hạch toán kế toán là một loại hạch toán, nghĩa là nó cũng thực hiện chức năng phản ánh, quan sát, đo lường ghi chép và giám đốc các quá trình kinh tế, nhưng nó khác với các loại hạch toán khác là thực hiện chức năng hạch toán toàn diện liên tục và tổng hợp.

- **Thứ hai** : Hạch toán kế toán nghiên cứu quá trình tái sản xuất trên góc độ cụ thể là tài sản với tính hai mặt (giá trị tài sản là nguồn hình thành) và tính vận động (tuần hoàn) trong các tổ chức, doanh nghiệp cụ thể. Trong điều kiện của sản xuất hàng hoá tài sản được biểu hiện dưới hình thái tiền, vì vậy trong hạch toán kế toán thước đo tiền tệ được sử dụng có tính bắt buộc.

- **Thứ ba** : Hệ thống phương pháp khoa học riêng của hạch toán kế toán gồm các yếu tố : Chứng từ kế toán, đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp – cân đối kế toán.

- **Thứ tư**: Vị trí, nội dung và phương pháp hạch toán quyết định hai chức năng của phân hệ hạch toán kế toán trong hệ thống quản lý là thông tin và kiểm tra về tài sản trong các tổ chức, các doanh nghiệp.

Vậy hạch toán kế toán là một hệ thống thông tin và kiểm tra về tài sản trong các doanh nghiệp, các tổ chức bằng hệ thống phương pháp khoa học như chứng từ, tính giá, đối ứng tài khoản và tổng hợp – cân đối kế toán.

II. Một số khái niệm và nguyên tắc kế toán

1. Khái niệm

Như đã nêu ở các phần trước chúng ta nhận thấy rằng công tác kế toán có vai trò quan trọng quyết định sự thành công hay thất bại của các doanh nghiệp. Những nhà đầu tư, những nhà quản lý, nhà kinh tế, chủ ngân hàng và những người quản lý Nhà nước đều dựa vào các báo cáo tài chính và các báo cáo kế toán khác (thông tin kế toán) để đề ra các quyết định định hướng hoạt động kinh doanh cũng như nền kinh tế. Vì vậy, điều có tầm quan trọng sống còn là các thông tin đưa ra trong các báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

2. Nguyên tắc kế toán

Những nguyên tắc kế toán không phải bắt nguồn từ các định luật tự nhiên giống như các bộ môn khoa học tự nhiên. Nói đúng hơn, những nguyên tắc kế toán được phát triển liên quan đến những mục tiêu quan trọng nhất của việc báo cáo tài chính.

Muốn hiểu biết các thông tin trên các báo cáo tài chính, cần có kiến thức về các nguyên tắc kế toán được thừa nhận vì những nguyên tắc này hướng dẫn việc thu nhập và trình bày các số liệu kế toán trên các văn bản đó.

1- **Nguyên tắc thực thể kinh doanh**: là bất kỳ một đơn vị kinh tế nào tiến hành hoạt động kinh doanh cần phải ghi chép tổng hợp và báo cáo.

2- **Nguyên tắc hoạt động liên tục**: là giả thiết doanh nghiệp hoạt động vô thời hạn hoặc ít nhất sẽ không bị giải thể trong tương lai gần, thì nên lập báo cáo tài chính kế toán phản ánh giá trị tài sản theo gốc, không phản ánh giá trị thị trường.

Khi đánh giá tài sản của một doanh nghiệp, chúng ta ghi nhận giá trị đó trên cơ sở giá trị gốc đã được phản ánh trong quá khứ, chứ không nhìn nhận giá trị đó là giá hiện hành trên thị trường. VD: Vào ngày xx/xx/xx, trị giá quyền SDD là 100 triệu, đến nay thì quyền SDD này đã lên đến 500 triệu. Tuy nhiên, vì đứng ở góc độ hoạt động liên tục nên chúng ta không cho rằng giá trị này là 500 triệu mà phải là 100 triệu, vì giá trị 500 triệu chỉ thực hiện khi chúng ta bán công ty đó hay phá sản công ty đó.

3- **Nguyên tắc thước đo tiền tệ**: là đơn vị đồng nhất trong việc tính toán và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh, kế toán chỉ phản ánh những gì có thể biểu hiện bằng tiền.

Luật kế toán Việt nam quy định rằng đồng tiền ghi nhận trên các báo cáo kế toán – tài chính là đồng Việt nam. Trong trường hợp phát sinh đồng ngoại tệ, thì việc phản ánh chúng được chuyển sang VND theo tỷ giá tại lúc phát sinh ghi sổ nghiệp vụ đó.

4- **Nguyên tắc kỳ kế toán**: Nguyên tắc kỳ kế toán được chỉ định nhằm xác định chính xác tình hình tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nào đó. Tại một thời điểm bất kỳ, các hoạt động được xem là cần phải dừng lại (một cách tương đối) để các khoản trên được xem xét và đánh giá.

5- **Nguyên tắc khách quan**: là tài liệu do kế toán cung cấp phải mang tính khách quan và có thể kiểm tra được.

Thuật ngữ khách quan đề cập đến công cụ đo lường không thiên vị và công cụ đó là đối tượng để các nhà chuyên môn độc lập kiểm tra. Tính khách quan trong kế toán xuất phát từ yêu cầu phải đạt được độ tin cậy cao. Nhân viên kế toán muốn các tính toán của mình đáng tin cậy và đồng thời thích hợp nhất cho những người ra quyết định. Bởi vậy, thông tin

kế toán phải được căn cứ trên các dữ kiện khách quan.

6- **Nguyên tắc giá phí:** Đây là một trong những nguyên tắc căn bản của kế toán. Theo nguyên tắc này việc tính toán tài sản công nợ, vốn, doanh thu, chi phí phải dựa trên giá trị thực tế mà không quan tâm đến giá thị trường.

Trong việc vận dụng nguyên tắc chi phí, chi phí được đánh giá trên căn cứ tiền mặt hoặc tương đương tiền mặt. Nếu vật đền bù cho một tài sản hoặc dịch vụ là tiền mặt thì chi phí được đánh giá hoàn toàn theo số tiền mặt chi ra để được tài sản hoặc dịch vụ đó. Nếu vật đền bù là loại gì khác với tiền mặt thì chi phí được đánh giá theo giá trị tiền mặt tương đương của số tiền cho sẵn hoặc giá trị tiền mặt tương đương của vật nhận được.

7- **Nguyên tắc doanh thu thực hiện :** Doanh thu là số tiền thu được và được ghi nhận khi quyền sở hữu hàng hóa bán ra được chuyển giao và khi các dịch vụ được thực hiện chuyển giao.

Trong một số trường hợp đặc biệt như mua bán bất động sản, bán tài sản trả tiền dần (trả góp) hay một số trường hợp đặc biệt khác, doanh thu có thể được xác định theo các phương pháp khác nhau như :

- Theo số tiền thực thu.
- Theo phương pháp trả góp.
- Theo phần trăm hoàn thành.

8- **Nguyên tắc phù hợp:** Theo nguyên tắc này tất cả các giá phí phải gánh chịu trong việc tạo ra doanh thu, bất kể là giá phí xuất hiện ở kỳ nào, nó phải phù hợp với kỳ mà trong đó, doanh thu được ghi nhận.

9- **Nguyên tắc nhất quán:** Trong quá trình kế toán tất cả các khái niệm, các nguyên tắc, các chuẩn mực và các tính toán phải được thực hiện trên cơ sở nhất quán từ kỳ này sang kỳ khác.

10- **Nguyên tắc công khai:** Việc công khai đầy đủ có nghĩa là tất cả các tư liệu và sự việc có liên quan đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động phải được thông báo cho những người sử dụng. Điều này có thể ghi đầy đủ trong các báo cáo tài chính hoặc trong những giấy báo kèm theo các báo cáo. Sự công khai như vậy sẽ làm cho các báo cáo tài chính có ích hơn và giảm bớt các vấn đề được hiểu sai.

11- **Nguyên tắc thận trọng:** Nguyên tắc này đảm bảo hai yêu cầu : Việc ghi tăng vốn chủ sở hữu chỉ thực hiện khi có chứng cứ chắc chắn, và việc ghi giảm vốn chủ sở hữu được ghi nhận ngay khi có chứng cứ có thể (chưa chắc chắn).

12- **Nguyên tắc trọng yếu (thực chất):** Nguyên tắc này chỉ chú trọng đến những vấn đề mang tính trọng yếu, quyết định bản chất và nội dung của sự vật, không quan tâm tới các yếu tố có ít tác dụng trong báo cáo tài chính. Tóm lại, chúng ta có thể đưa ra quy tắc sau đây : Một khoản mục là quan trọng nếu có lý do hợp lý để biết rằng nó sẽ ảnh hưởng đến quyết định của những người sử dụng các báo cáo tài chính.

III. Đối tượng hạch toán kế toán

1. Đối tượng chung của hạch toán kế toán

Đối tượng của kế toán là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh nghiệp. Từ tài sản, tiền mặt, hàng tồn kho, phải thu, phải trả, vốn, lợi nhuận, doanh thu, chi phí,

2. Biểu hiện cụ thể của đối tượng kế toán trong các đơn vị

a. Tài sản và nguồn vốn

i. Phân loại tài sản của doanh nghiệp

Tài sản là toàn bộ tiềm lực kinh tế của đơn vị, biểu thị cho những lợi ích mà đơn vị thu được trong tương lai hoặc những tiềm năng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của đơn vị. Nói cách khác, tài sản là tất cả những thứ hữu hình hoặc vô hình gắn với lợi ích trong tương lai của đơn vị thỏa mãn các điều kiện :

- Thuộc quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát lâu dài của đơn vị.
- Có giá trị thực sự đối với đơn vị.
- Có giá phí xác định.

Có nhiều cách phân loại tài sản trong các doanh nghiệp, nhưng nếu xét về mặt giá trị và tính chất luân chuyển của tài sản, thì toàn bộ tài sản của các doanh nghiệp được chia làm hai loại :

Loại thứ nhất : Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn

Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của doanh nghiệp là những tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, có thời gian sử dụng, luân chuyển, thu hồi trong một năm hoặc một chu kỳ kinh doanh. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của doanh nghiệp bao gồm vốn bằng tiền; các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn; các khoản phải thu; hàng tồn kho và tài sản lưu động khác.

Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn thành các loại sau :

- **Tiền** : Tiền là tài sản của đơn vị tồn tại trực tiếp dưới hình thái giá trị. Thuộc về tiền của đơn vị bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng (hoặc Kho bạc), tiền đang chuyển, kể cả tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc đá quý, ngân phiếu thanh toán.

- **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** : Đầu tư tài chính ngắn hạn là những khoản đầu tư về vốn nhằm mục đích kiếm lời có thời hạn thu hồi trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh. Thuộc đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư cho vay ngắn hạn...

- **Các khoản phải thu** : Các khoản phải thu là số tài sản của đơn vị nhưng đang bị các tổ chức, tập thể hay cá nhân khác chiếm dụng mà đơn vị có trách nhiệm phải thu hồi. Thuộc các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm khoản phải thu ở người mua, tiền đặt trước cho người bán, khoản nộp thừa cho Ngân sách, các khoản phải thu nội bộ...

- **Hàng tồn kho** : Hàng tồn kho của đơn vị là tài sản lưu động của tồn tại dưới hình thái vật chất có thể cân, đo, đong, đếm được. Hàng tồn kho có thể do đơn vị tự sản xuất hay mua ngoài. Thuộc về hàng tồn kho của đơn vị bao gồm vật liệu, dụng cụ, hàng mua đang đi đường, thành phẩm, hàng hoá, sản phẩm dở dang...

- **Tài sản lưu động khác** : Tài sản lưu động khác là những tài sản lưu động còn lại ngoài những thứ đã kể ở trên như các khoản tạm ứng cho công nhân viên chức, các khoản chi phí trả trước, các khoản tiền ký quỹ, ký cược ngắn hạn...

Loại thứ hai : Tài sản cố định và đầu tư dài hạn

- **Tài sản cố định hữu hình** là các tài sản cố định có hình thái vật chất, có đủ tiêu chuẩn của tài sản cố định về giá trị và thời gian sử dụng theo quy định trong chế độ quản lý tài chính hiện hành như nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, phương tiện truyền dẫn... Tài sản cố định hữu hình có thể do doanh nghiệp tự mua sắm, xây dựng hoặc đi thuê dài hạn.

- **Tài sản cố định vô hình** là những tài sản cố định không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư, chi trả, chi phí, nhằm có được những lợi ích hoặc các nguồn có tính chất kinh tế, mà giá trị của chúng xuất phát từ các đặc quyền hoặc quyền của doanh nghiệp như quyền sử dụng đất, chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí chuẩn bị sản xuất, giá trị bằng phát minh sáng chế, chi phí nghiên cứu, phát triển, chi phí lợi thế thương mại...

Tài sản cố định vô hình cũng có thể được hình thành do doanh nghiệp tự đầu tư hoặc thuê dài hạn.

Mặc khác, theo hình thái biểu hiện kết hợp với tính chất đầu tư, toàn bộ tài sản cố định và đầu tư dài hạn được chia thành các loại sau :

- **Tài sản cố định hữu hình tự có đã và đang đầu tư** : Là những tài sản cố định hữu

hình thuộc quyền sở hữu của đơn vị mà đơn vị đã và đang đầu tư (kể cả xây dựng cơ bản dở dang).

- **Tài sản cố định vô hình tự có đã và đang đầu tư** : Là những tài sản cố định vô hình thuộc quyền sở hữu của đơn vị mà đơn vị đã đầu tư và đang trong quá trình đầu tư.

- **Tài sản cố định thuê tài chính** : Là những tài sản cố định mà đơn vị đi thuê dài hạn nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

- **Tài sản cố định tài chính là** giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn với mục đích kiếm lời như đầu tư góp vốn liên doanh dài hạn, chứng khoán dài hạn, cho thuê tài sản cố định dài hạn, đầu tư kinh doanh bất động sản... Đây là những khoản đầu tư có thời gian thu hồi vốn dài (trên một năm hay một chu kỳ kinh doanh).

Ngoài các loại trên, thuộc về tài sản cố định và đầu tư dài hạn còn bao gồm cả giá trị tài sản và tiền mà đơn vị dùng để thế chấp ký quỹ, ký cược dài hạn.

ii. Phân loại nguồn vốn của doanh nghiệp

Những tài sản mà doanh nghiệp đang có trong hiện tại hình thành từ đâu, chúng ta xem sự hình thành đó là từ nguồn của tài sản. Xét theo nguồn hình thành, toàn bộ vốn của doanh nghiệp được hình thành từ **nguồn vốn chủ sở hữu** và **nguồn nợ phải trả**.

* **Nguồn vốn chủ sở hữu**: là vốn của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư đóng góp mà doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán. Nguồn vốn chủ sở hữu do chủ doanh nghiệp và các nhà đầu tư góp vốn hoặc hình thành từ kết quả kinh doanh, do đó nguồn vốn chủ sở hữu không phải là một khoản nợ.

* **Nợ phải trả** : Là số tiền vốn mà doanh nghiệp chiếm dụng của các đơn vị, tổ chức, cá nhân và do vậy doanh nghiệp có trách nhiệm phải trả; bao gồm các khoản nợ tiền vay, các khoản nợ phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác. Nợ phải trả của doanh nghiệp chia ra : Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

- **Nợ ngắn hạn** : Là khoản tiền mà doanh nghiệp có trách nhiệm trả trong vòng một chu kỳ hoạt động kinh doanh bình thường hoặc trong vòng một năm. Các khoản nợ này được trang trải bằng tài sản lưu động hoặc bằng các khoản nợ ngắn hạn phát sinh. Nợ ngắn hạn bao gồm : Vay ngắn hạn, thương phiếu phải trả, khoản nợ dài hạn đã đến hạn trả, tiền phải trả cho người bán, người nhận thầu, thuế và các khoản phải nộp ngân sách, lương, phụ cấp phải trả cho công nhân viên, các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác.

- **Nợ dài hạn** : Là các khoản nợ mà thời gian trả nợ trên một năm; bao gồm : Vay dài hạn cho đầu tư phát triển, nợ thế chấp phải trả, thương phiếu dài hạn, trái phiếu phải trả, các khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn, các khoản phải trả dài hạn khác.

iii. Tuần hoàn của vốn kinh doanh

Tiền – [Hàng tồn kho] hoặc [Nguyên vật liệu] hoặc [chi phí] – Sản xuất – Sản phẩm – Bán hàng – [Nợ lại] hoặc [Thu tiền]

Quá trình trên là một quá trình tuần hoàn của vốn kinh doanh. Người ta thường gọi đó là chu kỳ : T – H – T' (tiền – hàng hóa – thu về một lượng tiền khác)

iv. Quan hệ kinh tế pháp lý thuộc đối tượng hạch toán kế toán

- Quan hệ công nợ hay bán hàng, mua hàng thông qua các thỏa thuận và các nghĩa vụ phải thực hiện.

- Quá trình phản ánh các nhiệm vụ phải nộp tiền theo quy định.

- Quá trình phản ánh các nghĩa vụ thuế.

IV. Phương pháp của hạch toán kế toán

Xuất phát từ những đặc điểm cơ bản của đối tượng hạch toán kế toán đã hình thành hệ thống phương pháp hạch toán kế toán gồm bốn yếu tố (phương pháp cụ thể) là chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá và tổng hợp – cân đối kế toán.

Chứng từ : Là một phương pháp thông tin và kiểm tra sự hình thành các nghiệp vụ kinh tế.

Đối ứng tài khoản : Là phương pháp thông tin và kiểm tra quá trình vận động của vốn kinh doanh theo từng loại hoặc từng bộ phận của vốn.

Tính giá : Là phương pháp thông tin và kiểm tra về chi phí trực tiếp và gián tiếp cho từng loại hoạt động, từng loại hàng hoá (kể cả vật liệu, tài sản, sản phẩm và lao vụ).

Tổng hợp – cân đối kế toán : Là phương pháp khái quát tình hình vốn kinh doanh và kết quả kinh doanh của đơn vị hạch toán qua từng thời kỳ nhất định.

Trong thực tiễn công tác, tùy thuộc vào trình độ của cán bộ và phương tiện tính toán cũng như yêu cầu quản lý, cách vận dụng các phương pháp trên cũng khác nhau. Cụ thể :

Phương pháp chứng từ có hình thức biểu hiện tương ứng là hệ thống các bản chứng từ và chương trình luân chuyển chứng từ. Tức là để minh chứng một nghiệp vụ phát sinh nào đó. Ví dụ để chứng minh bạn từng trả tiền chi phí điện thoại, bạn phải có hóa đơn (Bill) của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông.

Phương pháp đối ứng tài khoản : Có hệ thống tài khoản (tổng hợp và phân tích các quan hệ đối ứng chủ yếu và hệ thống số tài khoản).

Phương pháp tính giá có các sổ hạch toán chi tiết chi phí, bảng kê chi tiết chi phí, bảng phân bổ chi phí, thẻ (bảng) tính giá thành...

Phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán có các bảng : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh...

Mỗi phương pháp có vị trí, chức năng nhất định, song giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một hệ thống phương pháp hạch toán kế toán. Do đó, trong công tác kế toán, các phương pháp này được sử dụng một cách tổng hợp, đồng bộ.

Một Kế toán cuối tháng lĩnh lương được 3 triệu. Theo kế hoạch, mỗi ngày gia đình Anh chi tiêu 80 nghìn, như vậy, cũng theo kế hoạch, hàng tháng Anh tiết kiệm để tích lũy 600 nghìn. Đi ngang một siêu thị, Anh thấy một chiếc áo đẹp và mua với giá 800 nghìn. Trong một lúc ngẫu hứng, Anh đã làm mức chi tiêu của gia đình giảm và tháng đó coi như không có tích lũy. Và Anh cũng không biết rằng, nếu Công ty của Anh đang làm việc có lỗi thu chi tùy tiện như thế thì một ngày kia, Công ty cũng không còn để Anh làm việc.

Kế toán ra đời là vì điều đó. Chúng ta cần có một hoạt động hạch toán rõ ràng và đánh giá chính xác chúng ta lời bao nhiêu hay lỗ bao nhiêu. Một tổ chức càng lớn thì yêu cầu này càng cấp thiết. Một tiểu thương buôn bán ngoài chợ không hề biết một ngày mình lời bao nhiêu (để biết mình nên tiêu xài bao nhiêu), điều đó chỉ ảnh hưởng đến một mình tiểu thương đó. Nhưng một công ty mà không biết được mình lời bao nhiêu để tiêu xài bao nhiêu, thì ảnh hưởng đến hàng nghìn lao động và hàng trăm cổ đông góp vốn.

? Câu hỏi dành cho bạn

Vui lòng trả lời các câu hỏi trong bài tập phần này tại Tài liệu Bài tập.